

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 4 - 2025

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Trần Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh **Trịnh Quốc T**; sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ B, khu T, phường H, thành phố H, Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* chị **Nguyễn Thu D**; sinh năm 1988; nơi thường trú: tổ H, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ B, khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đinh Khắc T1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969, đều có nơi cư trú tại thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

+ Ông Trịnh Danh Q, sinh năm 1956 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1958, đều có nơi cư trú tại tổ C, khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: Số C phố B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến D1 - Chủ tịch UBND thành phố H, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H:* Ông Nông Vũ T2 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H và bà Nguyễn Thiên H1 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh H2 - Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trịnh Quốc T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thu D kết hôn với nhau ngày 24/12/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H (nay là phường H, thành phố H), tỉnh Quảng Ninh, việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do chị D có quan hệ tình cảm bên ngoài với người đàn ông khác, anh đã tha thứ để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị D không thay đổi. Quá trình chung sống chị D không tôn trọng, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, đời sống của chồng con, mà thường xuyên đi làm về muộn, có xu hướng bạo lực với con cái, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2024. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị D có 02 con chung là cháu Trịnh Thành A, sinh ngày 13/9/2011 và cháu Trịnh Mai L; sinh ngày 10/10/2014. Khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao con chung Trịnh Thành A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao con chung Trịnh Mai L cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thu D trình bày:

Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn của anh chị như anh T trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng là do anh T có người phụ nữ bên ngoài nên về đánh và đập hỏng điện thoại của chị. Vì nghĩ thương con nên ban đầu chị không đồng ý ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng đến nay chị cũng không còn tình cảm với anh T,

thực tế chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2024, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt, nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Ban đầu chị đề nghị giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 7.000.000đ/01 tháng. Nhưng sau đó chị có quan điểm đồng ý giao con chung Trịnh Thành A, sinh ngày 13/9/2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Mai L, sinh ngày 10/10/2014 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: quá trình chung sống anh chị có tài sản chung là thửa đất tại địa chỉ thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 502230, số vào sổ cấp Giấy H/01362/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/6/2009 mang tên người sử dụng đất là bà Đặng Thị Kim T3. Nguồn gốc tài sản là do bố mẹ đẻ của anh T mua và cho vợ chồng chị. Đã làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho anh Trịnh Quốc T và chị, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xác nhận ngày 26/4/2021.

Ngày 03/7/2024 chị Nguyễn Thu D nộp “Đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn” với nội dung: chị xác định tài sản nêu trên có giá trị 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng), đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long chia tài sản là thửa đất nêu trên cho chị và anh T mỗi người một nửa, người nào được giao quản lý sử dụng thửa đất thì có nghĩa vụ thanh toán cho người kia 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Do đó ngày 08/7/2025 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của chị D.

Sau khi thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản khi ly hôn trong vụ án, và tiến hành xem xét thẩm định tài sản, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã đưa UBND thành phố H, UBND xã L, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và những người liên quan đến thửa đất đang tranh chấp gồm ông Trịnh Danh Q, bà Đoàn Thị H, ông Đinh Khắc T1, bà Nguyễn Thị G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, thẩm định, định giá tài sản theo quy định.

Ngày 24/7/2024 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Trịnh Thành A và cháu Trịnh Mai L về nguyện vọng của các cháu nếu bố mẹ ly hôn. Tại buổi làm việc cháu A có nguyện vọng ở với bố, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tiến hành xác minh tại tổ B, khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nơi cư trú của anh T1 và chị D), Tổ trưởng Tổ dân cho biết: vợ chồng anh Trịnh Quốc T và chị Nguyễn Thu D có 2 con đều dưới 18 tuổi, có sinh sống tại Tổ dân, khu phố. Quá trình sinh sống anh chị chấp hành chính sách pháp luật của địa phương, chị D có tham gia Tổ phụ nữ của Tổ 2 khu Trới 10. Thời gian gần đây, chị D không còn sinh sống tại tổ B, khu T, phường H. Về mâu thuẫn vợ chồng anh T - chị D thì Tổ dân không nắm được.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/3/2025 anh T, chị D thống nhất thỏa thuận được với nhau về tình cảm, con chung nhưng không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án nêu trên.

Ngày 04/4/2025 chị D có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa anh T và chị D giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại phiên hòa giải ngày 31/3/2025, thống nhất thuận tình ly hôn, về con chung, anh chị thỏa thuận: Giao con chung Trịnh Thành A, sinh ngày 13/9/2011 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Mai L, sinh ngày 10/10/2014 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Ngoài ra chị Nguyễn Thu D trình bày: chị giữ nguyên quan điểm như đơn đã nộp cho Tòa, chị xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản, anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Về chi phí tố tụng: chị là người đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Đến nay chị cũng đã nộp toàn bộ và tự nguyện chịu, không yêu cầu anh T phải thanh toán.

Anh T4 trình bày: về chi phí tố tụng anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị D tự nguyện chịu, anh cũng đồng ý, về án phí anh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T4, chị D đã thống nhất thỏa thuận được về vấn đề tình cảm, con chung. Tại phiên tòa chị D đã rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Việc rút đơn của chị D và thỏa thuận giữa anh T4 - chị D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do đó đề nghị HĐXX công

nhận thỏa thuận của anh T4 chị D về tình cảm, con chung và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị D trong bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trịnh Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D và giải quyết về nuôi con khi ly hôn. Chị D có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Anh T4 và chị D đều có nơi cư trú tại thành phố H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là “*Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn*” thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.2 Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hơn nữa, chị D đã rút yêu cầu chia tài sản chung, do đó việc giải quyết vụ án ly hôn, nuôi con chung không còn liên quan đến những người này, nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:

Tại phiên tòa, chị D rút yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này trong phần quyết định của bản án.

2.2 Đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung:

Trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, anh T4 và chị D đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận của họ về các nội dung trên. Xét thấy sự thỏa thuận của anh T4, chị D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của họ về các nội dung này.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị D là người yêu cầu xem xét thẩm định và định giá tài sản, nên khi đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chị D có nghĩa vụ nộp các chi phí tố tụng này theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị D cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị D có nghĩa vụ nộp 9.850.000đ (chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng)

chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và 4.900.000đ (bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản (chị D đã nộp đủ).

[4] Về án phí: Do các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được về tình cảm, con chung trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 các đương sự chỉ phải chịu 50% án phí với yêu cầu xin ly hôn. Tại phiên tòa anh T4 có quan điểm tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí nêu trên, chị D cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh T4 có nghĩa vụ nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trả lại anh Trịnh Quốc T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), trả lại chị Nguyễn Thu D số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Trịnh Quốc T và chị Nguyễn Thu D như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh Trịnh Quốc T và chị Nguyễn Thu D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung Trịnh Thành A, sinh ngày 13/9/2011 cho anh Trịnh Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Trịnh Mai L, sinh ngày 10/10/2014 cho chị Nguyễn Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi)

Anh T4, chị D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trịnh Quốc T, chị Nguyễn Thu D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thu D.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thu D có nghĩa vụ nộp nộp 9.850.000đ (chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và 4.900.000đ (bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản (chị D đã nộp đủ).

4. Về án phí: anh Trịnh Quốc T có nghĩa vụ nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000803 ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, trả lại anh Trịnh Quốc T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)

Trả lại chị Nguyễn Thu D số tiền tạm ứng đã nộp 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000998 ngày 05/7/2024.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp Hạ Long;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường HB, thành phố HL;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thủy

